

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 19 phố Trúc Khê – Láng Hạ - Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại: 043 8357 853

Fax: 043 8352 725

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN

CỦA

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH

VỐN NHÀ NƯỚC

TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN

ONG TRUNG ƯƠNG



Đại diện phần vốn Nhà nước

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ
KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC**

Số 117 Trần Duy Hưng, Hà Nội

ĐT: (84-4) 6278 0126

www.scic.vn

Tổ chức tư vấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
ĐẦU TƯ VIỆT NAM**

Tầng 1, Toà nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội

ĐT: (84-04) 3573 0073; Fax: (84-4) 3573 008

www.ivs.com.vn

(Để đảm bảo quyền lợi của các Nhà đầu tư, Ban tổ chức đấu giá khuyến cáo các Nhà đầu tư tiềm năng nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham dự đấu giá)

MỤC LỤC

I.	CĂN CỨ PHÁP LÝ	4
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	5
1.	Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Ong Trung ương.....	5
2.	Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam	5
III.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	5
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY	6
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:	6
2.	Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty:	7
2.1.	Cơ cấu tổ chức:.....	7
2.2.	Nhiệm vụ, chức năng các phòng ban:.....	8
3.	Vốn Điều lệ và Cơ cấu Cổ đông của Công ty:	11
3.1.	Vốn Điều lệ của Công ty:	11
3.2.	Cơ cấu cổ đông của Công ty:	12
4.	Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của Công ty, những Công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty mà nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:	12
5.	Tình hình lao động:	12
5.1.	Tổng số lao động của Công ty:.....	12
5.2.	Chính sách đối với người lao động:.....	13
6.	Đất đai nhà xưởng của Công ty đang sở hữu và đi thuê:.....	14
7.	Hoạt động kinh doanh:.....	15
7.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh:.....	16
7.2.	Cơ cấu chi phí:.....	16
7.3.	Tình hình công nợ hiện nay:	18
7.4.	Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:.....	20
V.	THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT	22
1.	Đánh giá thuận lợi và khó khăn của Công ty trong quá trình kinh doanh:.....	22
2.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh các năm tới:	23
VI.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	24

1. Rủi ro kinh tế:	24
2. Rủi ro Pháp luật:	25
3. Rủi ro đặc thù:	25
4. Rủi ro từ đợt bán đấu giá:	25
5. Rủi ro khác:.....	26
VII. DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC CHỨC DANH QUẢN LÝ CÔNG TY.....	27
1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:	27
2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:.....	30
3. Danh sách thành viên Ban giám đốc:.....	.
4. Kế toán trưởng:.....	33
VIII. CỔ PHIẾU BÁN ĐẤU GIÁ	33
1. Thông tin cơ bản:.....	34
2. Mục đích của việc chào bán:.....	34
3. Phương pháp tính giá:.....	34
4. Phương thức phân phối:	34
5. Đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá:.....	34
6. Thời gian và địa điểm đăng ký tham dự đấu giá:	35
7. Lập và nộp phiếu tham dự đấu giá:	36
8. Lưu ý một số vấn đề đối với nhà đầu tư khi đến tham dự đấu giá:	37
9. Thời hạn thanh toán và hoàn trả tiền đặt cọc:.....	37
10. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần:	37
11. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:	37
12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng: Không	37
13. Các loại thuế có liên quan đến cổ phần chào bán: Không	37
IX. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ	38
X. ĐỊA ĐIỂM CÔNG BỐ BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	38

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

- ❖ **Tên Tiếng Việt** : CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TRUNG ƯƠNG
- ❖ **Tên Tiếng Anh** : VIETNAM NATIONAL APICULTURE JOINT STOCK COMPANY
- ❖ **Tên viết tắt** : VINAPI
- ❖ **Trụ sở chính** : Số 19 phố Trúc Khê – Láng Hạ - Đống Đa – Hà Nội
- ❖ **Điện thoại** : 043 8357 853
- ❖ **Fax** : 043 8352 725
- ❖ **Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104757** do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, cấp lần đầu ngày 10 tháng 08 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 18 tháng 10 năm 2013.
- ❖ **Ngành nghề kinh doanh:**
 - *Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;*
 - *Đại lý, môi giới, đấu giá;*
 - *Đại lý du lịch;*
 - *Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;*
 - *Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;*
 - *Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;*
 - *Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;*
 - *Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;*
 - *Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;*
 - *Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;*
 - *Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;*
 - *Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;*
 - *Chăn nuôi khác;*
 - *Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;*
 - *Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;*
 - *Chế biến và bảo quản rau quả*
 - *Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;*

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

❖ **Vốn của Công ty:**

- Vốn điều lệ : 11.000.000.000 đồng
- Tổng số cổ phần : 11.000.000 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

❖ **Thông tin về đợt chào bán:**

- Số lượng cổ phần chào bán : 366.100 cổ phần
- Giá trị chào bán : 3.661.000.000 đồng
- Giá khởi điểm : 15.000 đồng/cổ phần

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- ❖ Luật doanh nghiệp 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- ❖ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- ❖ Căn cứ Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- ❖ Nghị định 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ về ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty Nhà nước và quản lý vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- ❖ Quyết định số 534/QĐ-ĐTKDV ngày 20/10/2014 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc bán cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Ong Trung ương.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Tổ chức phát hành:** Công ty cổ phần Ong Trung ương
Đại diện theo Pháp luật: Bà Phạm Minh Hương
Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị
- Tổ chức tư vấn:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam
Đại diện tổ chức tư vấn: Ông Phạm Hữu Tuân
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này phục vụ cho việc bán đấu giá cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Ong Trung ương. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn các số liệu, ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Ong Trung ương cung cấp.

Bản công bố thông tin này chỉ mang giá trị tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tự tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. Tổ chức tư vấn (IVS) không có trách nhiệm nếu thông tin và tài liệu do Công ty cổ phần Ong Trung ương cung cấp không đầy đủ hoặc trung thực với thực tế hoạt động của Công ty cổ phần Ong Trung ương.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Ban tổ chức đấu giá : Đại diện Công ty, đại diện tổ chức bán đấu giá được thành lập để thực hiện việc bán đấu giá vốn của SCIC ra bên ngoài và các công việc liên quan khác.

Công ty : CTCP Ong Trung Ương

CTCP : Công ty cổ phần

HĐQT : Hội đồng quản trị

ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông

LNST : Lợi nhuận sau thuế

Tổ chức bán đấu giá : Công ty Cổ phần Chứng khoán đầu tư Việt Nam

SCIC : Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước

UBND : Ủy ban Nhân dân

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày

29/06/2006 của Quốc hội, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Ngày 20 tháng 6 năm 1978, Bộ Nông nghiệp ra Quyết định số 215 NN_TCCB/QĐ nâng cấp Phòng nuôi Ong lên thành Công ty Ong Trung ương. Công ty Ong Trung ương, là công ty nhà nước trực thuộc Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (BNN&PTNT) với 8 chi nhánh đại diện cho các khu vực địa lý và các khu sản xuất điển hình trên cả nước với các nhiệm vụ chính như: tổ chức quản lý thúc đẩy phát triển ngành ong toàn quốc, thực hiện các nghiên cứu cơ bản và ứng dụng về ong và nghề nuôi ong; hợp tác với các nước tiên tiến trên thế giới tiến hành nghiên cứu cơ bản và ứng dụng đồng thời phát triển nghề nuôi ong chuyên nghiệp và quy mô nhỏ; triển khai chương trình đào tạo và khuyến nông ong nhằm phát triển nghề nuôi ong chuyên nghiệp và qui mô nhỏ ở Việt Nam; tư vấn cho Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn xây dựng các chính sách, chiến lược, định hướng kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của ngành ong của Việt Nam.

Từ năm 1984, Công ty Ong Trung ương là công ty đầu tiên tại Việt Nam xuất khẩu mật và các sản phẩm ong khác như sữa ong chúa, phấn ong sang các thị trường như Nhật Bản, Cộng đồng chung Châu Âu (năm 1989), Mỹ, Canada, ... (1992). Sản phẩm của Công ty phong phú đa dạng nhiều kích cỡ và chủng loại, phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng từ nhu cầu chế biến thực phẩm đến thuốc chữa bệnh, làm đẹp. Năm 2007, Công ty Ong Trung ương được cổ phần hoá với tên giao dịch là Công ty Cổ phần Ong Trung ương, tên viết tắt là VINAPI.

Năm 2005 Công ty tiến hành cổ phần hóa theo quyết định số 3507/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 14/12/2005 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa và Quyết định số 3763/ QĐ-BNN-ĐMDN ngày 30/12/2005 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty ong Trung Ương thành Công ty cổ phần Ong Trung ương.

Một số mẫu sản phẩm doanh nghiệp:



Mật ong bạc hà 20g



Mật ong bạc hà 500g



Mật ong hoa nhãn 1000g



Mật ong hoa nhãn 500g

2. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty:

2.1. Cơ cấu tổ chức:

Hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Công ty cổ phần Ong Trung ương có cơ cấu tổ chức bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và các chi nhánh cùng các phòng ban chức năng phục vụ hoạt động của Công ty.

Trụ sở của các đơn vị trực thuộc Công ty bao gồm:

* Xí nghiệp Vật tư Chế biến Xuất khẩu I

Địa chỉ: Số 19 Phố Trúc Khê, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

* Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Ong

Tên giao dịch tiếng Anh: Bee Research and Development Center

Tên viết tắt: BRDC

Địa chỉ: Số 19 Phố Trúc Khê, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

* Xí nghiệp Ong nội Đốc Tín

Địa chỉ: Xã Đốc Tín, Huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội.

* Xí nghiệp Ong Hoà Bình

Địa chỉ: Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hoà Bình

* Xí nghiệp Ong Khu 4

Địa chỉ: Phường Quang Tiến, Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An

* Xí nghiệp Ong Gia Lai

Địa chỉ: Tổ 16, Phường Thống Nhất, TP PleiKu, Tỉnh Gia Lai

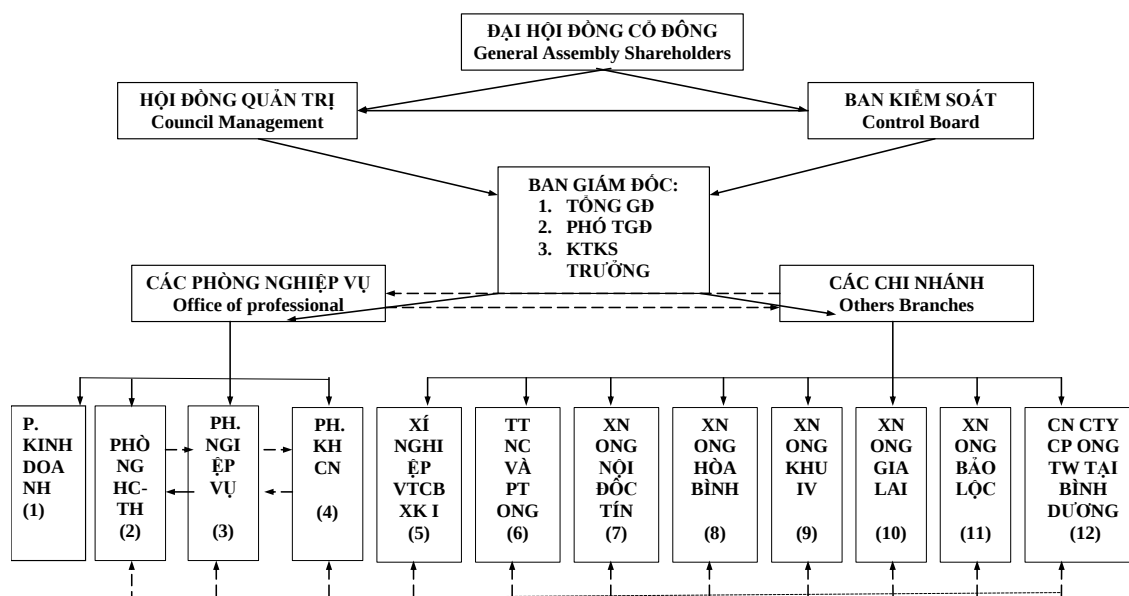
* Xí nghiệp Ong Bảo Lộc

Địa chỉ: 104 Phan Đình Phùng, Phường 2, Thị Xã Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

* Chi nhánh Công ty Cổ phần Ong Trung ương tại Bình Dương

Địa chỉ: Số 1/604, Đường Thuận Giao 21, KP Hòa Lân 2, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TRUNG ƯƠNG
ORGANIZATIONAL STRUCTURE CHART OF VIETNAM NATIONAL APICULTURE JOINT STOCK COMPANY



2.2. Nhiệm vụ, chức năng các phòng ban:

2.2.1 Đại hội đồng cổ đông:

- 1) ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội thường niên hoặc bất thường ít nhất mỗi năm 1 lần. Địa điểm họp trên lãnh thổ Việt Nam. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 2) ĐHĐCĐ thường niên có các quyền và nhiệm vụ như sau:
 - ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - + Báo cáo tài chính hàng năm
 - + Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình Công ty.
 - + Báo cáo của Hội đồng quản trị.
 - + Báo cáo của kiểm toán viên.
 - + Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài của Công ty.
 - + Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần;
 - + Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát;
 - + Lựa chọn công ty kiểm toán;

- + Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- + Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ;
- + Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
- + Quy định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần ;
- + Tổ chức lại, giải thể, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- + Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty;
- ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có quyền thảo luận và thông qua nghị quyết bằng văn bản các vấn đề sau:
 - + Định hướng phát triển của Công ty.
 - + Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán
 - + Quyết định mức cổ tức hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và theo đề xuất của Hội đồng quản trị.
 - + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
 - + Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty nếu điều lệ Công ty không quy định một tỷ lệ nào khác.
 - + Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty.
 - + Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại trong mỗi 12 tháng.
 - + Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
 - + Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty.
 - + Quyết định tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
 - + Thông qua các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với các đối tượng quy định tại Điều 120.1 Luật Doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - + Quyết định thảo luận và thông qua các hợp đồng giao dịch của Công ty ký kết với:
 - Cổ đông, người đại diện của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người liên quan trực tiếp của họ;
 - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;
- HDQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này cổ đông có liên quan không có quyền

biểu quyết; Hợp đồng hoặc giao dịch đó được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;

2.2.2 Hội đồng quản trị:

- 1) HĐQT có 3 đến 5 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm.
- 2) Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.
- 3) Đề cử thành viên vào hội đồng quản trị
 - Là cổ đông cá nhân của Công ty sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty hoặc người khác được cổ đông tín nhiệm. Những người này có sức khoẻ, có trình độ học vấn từ đại học trở lên, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp;
 - Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp, có sức khoẻ, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật;
- 4) HĐQT có quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm ;
 - b. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; việc thành lập các công ty con, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc. Phê chuẩn việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, người đại diện vốn góp của công ty, theo đề nghị của Tổng giám đốc; quyết định mức lương của các đối tượng này;
 - d. Đề xuất các loại cổ phiếu, tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; quyết định giá bán cổ phiếu, trái phiếu và các chứng khoán khác;
 - e. Thực hiện việc phát hành cổ phiếu, trái phiếu;
 - f. Đề xuất mức cổ tức hàng năm trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; quyết định mức cổ tức tạm thời ;
 - g. Quyết định các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật;
 - h. Thông qua các hợp đồng mua, bán, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị lớn hơn 50 % tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 120 Luật doanh nghiệp;
 - i. Phê duyệt kế hoạch vay nợ, thế chấp, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - j. Đề xuất Đại hội đồng cổ đông việc mua cổ phần của những công ty khác;
 - k. Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền;

- l. Quyết định mua lại không quá 10% cổ phần theo từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng ;
- m. Quyết định thu hồi cổ phần do cổ đông không thanh toán cho Công ty.

2.2.2 Ban kiểm soát:

- 1) Là người thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh quản trị và điều hành của Công ty.
- 2) Ban kiểm soát có 3 thành viên trong đó có một thành viên có chuyên môn về tài chính kế toán, các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, có nhiệm kỳ là 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 3) Ban kiểm soát đề cử một người làm trưởng ban kiểm soát. BKS phải có hơn một nửa số người thường trú ở Việt Nam, phải có ít nhất 1 người có trình độ trung học, đại học kế toán tài chính.
- 4) Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi BKS mới được bầu và đã nhận nhiệm vụ. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát:
 - a. Đề xuất chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập.
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu kiểm toán.
 - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý của chuyên gia
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng trước khi đệ trình HĐQT
 - e. Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật Công ty
 - f. Xem xét báo cáo của Công ty về hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận.
 - g. Thảo luận các vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý
 - i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo điều lệ của Công ty và theo luật doanh nghiệp.

3. Vốn Điều lệ và Cơ cấu Cổ đông của Công ty:

3.1. Vốn Điều lệ của Công ty:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **0100104757** do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 08 năm 2007 và thay đổi lần thứ 04 ngày 18 tháng 10 năm 2013, Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Ong Trung ương là **11.000.000.000** đồng (Mười một tỷ đồng) tương ứng 1.100.000 cổ phần và mệnh giá là 10.000 VNĐ.

3.2. Cơ cấu cổ đông của Công ty:**Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 30/06/2014**

Stt	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (Cp)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Cổ đông Nhà nước	366.100	3.661.000.000	33,28%
2	Cổ đông trong Công ty	701.260	7.012.600.000	63,75%
3	Cổ đông ngoài Công ty	32.640	326.400.000	2,97%
Tổng cộng		1.100.000	11.000.000.000	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần Ong Trung Ương)

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty tại thời điểm 30/6/2014

Stt	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (Cp)	Tỷ trọng (%)
1	Công ty CP Tập đoàn Đầu tư IPA	Số 59 Phố Lý Thái Tổ, P. Trảng Tiền, Q. Hoàn Kiếm, HN	477.750	43,43
2	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước	Số 117 Đường Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, HN	366.100	33,28
3	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Số 19, Ngõ 136 Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	72.370	6,58

(Nguồn: Công ty cổ phần Ong Trung Ương)

4. **Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của Công ty, những Công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty mà nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:** Không có.

5. **Tình hình lao động:**

5.1. **Tổng số lao động của Công ty:**

Cơ cấu lao động của Công ty

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ
1	Phân theo trình độ lao động		
	Trên Đại học và Đại học	31	23,3%
	Cao đẳng và trung cấp	6	4,51%
	Lao động phổ thông	96	72,18%
	Tổng cộng	133	100%
2	Phân theo đối tượng lao động		
	Lao động trực tiếp	103	77,4%
	Lao động gián tiếp	30	22,6%
	Tổng cộng	133	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần Ong Trung Ương)

5.2. Thu nhập bình quân:**Thu nhập bình quân người lao động trong Công ty**

Đơn vị tính: đồng/người/tháng

Năm	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Thu nhập bình quân	5.200.000	5.797.000	6.349.638

(Nguồn: Công ty cổ phần Ong Trung Ương)

5.3. Chính sách đối với người lao động:

Người lao động trong Công ty được thực hiện Hợp đồng lao động theo quy định của Luật Lao động và theo Luật Doanh nghiệp.

Doanh nghiệp nộp đầy đủ BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn và các nghĩa vụ cho người lao động theo Luật BHXH và các quy định hiện hành.

6. Đất đai nhà xưởng của Công ty đang sở hữu và đi thuê:**Bảng kê quỹ đất Công ty cổ phần Ong Trung Ương**

TT	Mục đích sử dụng	Diện tích (m2)	Cơ sở pháp lý	Hình thức quản lý Nhà nước đối với
1	Văn phòng Công ty Địa chỉ: 19 Trúc Khê - Văn	5.361,4	- Hợp đồng thuê đất số 114/HĐ-TĐ ký ngày 04/03/2014 với Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Thuê đất trả tiền hàng năm
2	Địa chỉ: Đất Phương Mai	120	-Không có hồ sơ	Thuê đất trả tiền hàng năm
3	Địa chỉ: 264H Lê Văn Sỹ	120	-Văn tự mua nhà nhưng không mua đất.	Thuê đất trả tiền hàng năm
4	Địa chỉ: 9-11 Einstein		-Hợp đồng thuê nhà số 24/89/C/2ĐH của UBND Huyện Thủ Đức.	Thuê đất trả tiền hàng năm
5	XN Ong Nội Đốc Tín Địa chỉ: Huyện Mỹ Đức, Hà Tây	90.000	-Quyết định 196-QĐ/UB của UBND tỉnh Hà Tây cho phép đặt XN Ong nội thuộc công ty Ong Trung Ương tại huyện Mỹ Đức	Thuê đất trả tiền hàng năm
6	XN Ong Hòa Bình Địa chỉ: Lương Sơn, Hòa Bình	25.300	-Quyết định 532-QĐ/XDCB của UBND tỉnh Hà Sơn Bình cấp đất XD trại ong Lương Sơn	Thuê đất trả tiền hàng năm
7	XN Ong Khu IV Địa chỉ: Thửa đất số 01, Phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An	11.336	-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00001 cấp ngày 04/06/2008 của UBND tỉnh Nghệ An.	Thuê đất trả tiền hàng năm

8	XN Ong Bảo Lộc Địa chỉ: Số 104 Phan Đình Phùng, Phường 2, Thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	5.830	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00223 cấp ngày 04/06/2003 của UBND tỉnh Lâm Đồng.	Thuê đất trả tiền hàng năm
9	XN Ong Gia Lai Địa chỉ: Tổ 16, Phường Thống Nhất, Thành Phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	2.066	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT01317 ngày 19/11/2012 của UBND tỉnh Gia Lai	Thuê đất trả tiền hàng năm
10	Văn phòng chi Nhánh Bình Dương Địa chỉ: Thửa đất số 797 khu phố Hòa Lâm, Phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, Bình Dương	4.131,7	- Hợp đồng thuê nhà số 175/HĐTN ký ngày 14/12/2012 với ông Đặng Dích Trung.	Thuê đất trả tiền hàng năm
	Tổng	144.266		

(Nguồn: Công ty cổ phần Ong Trung Ương)

7. Hoạt động kinh doanh:**7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh:**

(Đơn vị: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Tổng tài sản	24.619.686.073	30.613.981.772	22.093.470.513
% tăng/giảm		24,3%	-27,8%
Vốn điều lệ	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
Doanh thu thuần	83.667.816.838	76.449.659.010	83.152.966.371
% tăng/giảm		-8,6%	8,8%
Giá vốn hàng bán	63.273.589.381	59.384.830.532	69.871.609.171
% tăng/giảm		-6,1%	17,7%
Giá vốn hàng bán/DTT	75,6%	77,7%	84,0%
Lợi nhuận sau thuế	3.942.564.687	-8.064.467.350	-3.683.762.352
% tăng/giảm		-304,5%	-54,3%
EPS	3.584	(7.331)	(3.349)
% tăng/giảm		-304,5%	-54,3%

Doanh thu thuần của Công ty biến động không nhiều các năm. Năm 2012, doanh thu thuần giảm 8,6%. Năm 2013, doanh thu thuần lại tăng lên 8,8%, đạt mức xấp xỉ so với 2011 là 83.152.966.371 đồng. Giá vốn hàng bán cũng biến động không nhiều trong nhưng theo chiều hướng tăng, xung quanh mức chiếm từ 75% doanh thu năm 2011 đến 84% doanh thu thuần vào năm 2013. Nguyên nhân đơn đặt hàng bị giảm mạnh nhưng doanh thu vẫn không biến động nhiều vào năm 2013 là do xuất bán hàng tồn kho, hàng kém chất lượng của các năm trước, bán lỗ, doanh thu cao (10.321.109.955 đồng) nhưng lợi nhuận gộp giảm và ảnh hưởng đến uy tín của công ty với khách hàng, gây hậu quả lâu dài.

Lợi nhuận từ sau thuế năm 2012 của Công ty ghi nhận khoản lỗ -8.064.467.350 đồng và khoản lỗ -3.683.762.352 đồng vào năm 2013. Nguyên nhân là do chi phí quản lý doanh nghiệp tăng quá cao trong khi khoản doanh thu thuần không tăng nhiều, doanh thu từ hoạt động tài chính và các hoạt động khác không đáng kể. Khoản chi phí lớn nhất trong chi phí doanh nghiệp mà cụ thể là tiền thuê đất phải nộp, tiền thuê trụ sở và lãi lên tới 11.477.679.917 đồng vào năm 2012 và 4.481.138.716 đồng vào năm 2013.

Theo Quyết định số 744/QĐ-STC ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Sở Tài chính Hà Nội về việc phê duyệt giá thuê đất tại số 19 Trúc Khê, Phường Láng Hạ, quận Đống Đa của Công ty Cổ phần Ong Trung Ương, tiền thuê đất ước tính phải nộp từ năm 1996 đến 2012 là 11.277.419.161 đồng. Khoản này bao gồm tiền thuê đất phải nộp từ năm 1996 đến 2012 là

7.151.843.161 đồng và năm 2012 là 4.125.576.000 đồng. Công ty đã ghi nhận toàn bộ chi phí này vào kết quả kinh doanh năm 2012. Đây là khoản chi phí quá lớn, vượt qua cả vốn điều lệ doanh nghiệp. Lợi nhuận hàng năm của công ty không đủ bù chi phí này cùng với khoản phạt phải nộp nếu trả chậm. Đây là khó khăn rất lớn trước mắt của doanh nghiệp, gây sụt giảm lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp về số âm vào năm 2012.

7.2. Cơ cấu chi phí:

Cơ cấu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: đồng

Chi phí	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
GVHB	63.273.589.381	79,0	59.384.830.532	68,6	69.871.609.171	78,7
Chi phí TC	1.770.832.200	2,2	1.517.783.084	1,8	1.890.583.836	2,1
Chi phí lãi vay	-	0,0	1.327.524.789	1,5	1.106.220.399	1,2
Chi phí bán hàng	3.706.301.865	4,6	4.047.376.094	4,7	3.867.634.693	4,4
Chi phí QLDN	11.041.327.124	13,8	20.963.087.466	24,2	12.424.481.661	14,0
Thuế, phí và lệ phí	-	0,0	11.477.679.917	13,3	4.481.138.716	5,0
Chi phí khác	346.869.576	0,4	639.172.757	0,7	731.440.510	0,8
Tổng cộng	80.138.920.146	100	86.552.249.933	100	88.785.749.871	100

(Nguồn: Công ty cổ phần Ong Trung Ương)

Tổng chi phí của Công ty biến động không nhiều trong hai năm 2011 và 2012, tăng khoảng 7,6% vào năm 2012 và 2,84% vào năm 2013. Chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng chi phí hoạt động là Giá vốn hàng bán, trung bình chiếm trên 78,7% tổng chi phí vào các năm 2011 và 2013. Trong khi đó, chi phí quản lý doanh nghiệp mà chủ yếu là các khoản thuế, phí và lệ phí chiếm tỷ trọng đáng kể. Trong năm 2012, chi phí quản lý doanh nghiệp đã tăng gần 89,86% so với 2011, chiếm tới 24,2% tổng chi phí, với tiền thuê đất phải nộp chiếm hơn một nửa. Sang năm 2013, khoản này đã giảm đi 40,73% nhưng vẫn còn khá cao, gây lỗ cho doanh nghiệp. Các chi phí khác như chi phí bán hàng, chi phí khác... chiếm tỷ trọng nhỏ, cho thấy việc tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh phụ thuộc khá nhiều vào các yếu tố đầu vào sản xuất và kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp. Bên cạnh đó chi phí thuế, phí và lệ phí khá cao, vì vậy hàng năm doanh nghiệp phải chịu áp lực đáng kể từ việc trả tiền thuê đất truy thu cho nhà nước và phạt trả chậm từ khoản tiền thuê này. Nhìn chung, tổng cộng các khoản chi

phí của Công ty luôn lớn hơn doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ, đây chính là nguyên do lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty ở mức âm và lợi nhuận sau thuế của Công ty luôn ở mức thấp trong cả giai đoạn 2012-2013.

7.3. Tình hình công nợ hiện nay:

Các khoản phải thu

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013
Phải thu của khách hàng	1.513.441.688	7.003.974.488	4.220.855.254
Trả trước cho người bán	227.297.486	1.901.741.022	1.402.220.500
Các khoản phải thu khác	9.057.712.803	4.384.775.580	191.992.761
Tổng	10.798.451.977	13.290.491.090	5.815.068.515

(Nguồn: Công ty cổ phần Ong Trung Ương)

Tổng các khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2013 giảm 46,15% so với năm 2011 và 56,25% so với năm 2012. Khoản phải thu khác từ chiếm tỷ trọng 83,9% năm 2011 về mức chỉ còn 3,3% vào năm 2013. Trong khi đó tỷ trọng khoản phải thu của khách hàng tăng lên tới mức 72,6% vào năm 2013. Điều này được lý giải là trước năm 2012, công ty vẫn cho người nuôi ong ứng tiền vốn trước rồi lấy lại, nhưng từ năm 2012 trở đi, Công ty không có khoản này nữa nên tỷ trọng khoản phải thu khác giảm sút. Phải thu của khách hàng trở thành khoản mục chính trong các khoản phải thu, được ghi nhận đạt 4.220.855.254 đồng vào năm 2013.

Các khoản phải trả*Đơn vị: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013
Nợ ngắn hạn	7.736.848.084	23.962.258.121	19.101.539.996
Vay và nợ ngắn hạn	2.757.561.589	8.429.656.292	1.125.000.000
Phải trả người bán	187.790.000	2.302.284.409	1.609.953.971
Người mua trả tiền trước	80.200.000	82.000.000	30.000.000
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	1.074.816.931	683.928.086	94.970.590
Phải trả người lao động	1.642.517.026	469.518.533	442.465.676
Chi phí phải trả	236.180.084	11.495.416.535	15.326.962.598
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.661.555.470	291.570.441	304.873.336
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	96.226.984	207.883.825	167.313.825
Nợ dài hạn	178.389.945	0	134.500.000
Phải trả dài hạn khác	-	-	134.500.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	178.389.945	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	601.125.641	-	109.000.000
Tổng cộng	7.915.238.029	23.962.258.121	19.236.039.996

(Nguồn: Công ty cổ phần Ong Trung Ương)

Nợ ngắn hạn chiếm gần như hoàn toàn trong tổng các khoản phải trả, trung bình chiếm 97% đến 100% tổng các khoản phải trả trong giai đoạn 2011-2013. Do vậy, tổng các khoản phải trả có biến động cùng chiều với tổng nợ ngắn hạn. Trong năm 2013, nợ ngắn hạn của Công ty ghi nhận đạt 23.962.258.121 đồng cao nhất trong cả giai đoạn. Vay và nợ ngắn hạn từ trên 35% hai năm trước đó đã giảm tỷ trọng xuống còn 5,91% vào năm 2013. Chi phí phải trả tăng lên từ mức 236.180.084 đồng năm 2011 tới mức 15.326.962.598 đồng vào năm 2013, từ tỷ trọng 3% đã lên tới 80,5% các khoản phải trả. Khoản chi phí này tăng vọt là do công ty đang nợ tiền thuê đất từ năm 1996 đến 2011, vào năm 2012, 2013 con số này đã tăng 8 lần so với năm 2011 gây khó khăn cho doanh nghiệp. Khoản nợ dài hạn gần như bằng 0 vào năm 2011 và gần như không đáng kể trong các khoản phải trả. Nợ ít được lý giải là do chủ trương hạn chế vay nợ ngân hàng và các tổ chức tài chính của doanh nghiệp.

7.4. Cơ cấu doanh thu

(Đơn vị: đồng)

	2011	2012	2013
Doanh thu xuất khẩu	67.437.260.160	60.121.948.590	58.135.897.632
Doanh thu nội địa	4.231.285.826	5.198.566.030	5.519.587.244
Doanh thu bán mật kém chất lượng	-	-	10.321.109.955
Tổng cộng	71.668.547.997	65.320.516.632	73.976.596.844

(Nguồn: Công ty cổ phần Ong Trung Ương)

Có thể thấy Mỹ là thị trường trọng điểm mang lại doanh thu chính cho công ty. Doanh thu ở khu vực này đang giảm mạnh. Việc bán mật kém chất lượng đã mang lại cho công ty gần 10.321.109.955 đồng trong năm 2013 nhưng làm giảm uy tín công ty trên thị trường ong mật Việt Nam trong dài hạn.

7.5. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU**

CHỈ TIÊU	Đvt	2011	2012	2013
Khả năng thanh toán				
1. Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2,65	1,11	0,86
2. Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,28	0,87	0,53
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1. Vòng quay các khoản phải thu	Lần	9,68	6,42	8,87
2. Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	38	57	41
3. Vòng quay hàng tồn kho	Lần	23,53	13,62	11,44
4. Số ngày luân chuyển hàng tồn kho	Ngày	16	27	32
5. Vòng quay vốn lưu động	Lần	4,23	3,24	3,86
6. Số ngày hoàn thành chu kỳ KD	Ngày	86	113	95
7. Vòng quay khoản phải trả	Lần	7,66	3,66	3,23
8. Kỳ trả nợ bình quân	Ngày	48	100	113
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	4,71	-10,55	-4,43
2. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	35,84	-73,31	-33,49
3. ROA	%	16,01	-26,34	-16,67
4. ROE	%	24,48	-121,24	-134,03
Chỉ số về cơ cấu vốn				
1. Tỷ lệ nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	52,9	360,2	703,9
2. Tỷ lệ nợ phải trả/Tổng tài sản	%	34,59	78,27	87,56

(Nguồn: Công ty cổ phần Ong Trung Ương)

Về chỉ tiêu khả năng thanh toán: Trước năm 2011, Từ năm 2012 tới năm 2013, hai hệ số này đã được giảm dần về mức dưới 1. Công ty ít vay nợ ngắn hạn nên chỉ số này khá cao trong năm 2011. Tuy nhiên, do nợ ngắn hạn mà chủ yếu là nợ tiền thuê đất tăng lên trong hai năm gần đây cộng với các khoản phải thu giảm gây ra hệ số thanh toán giảm. Hệ số khả năng thanh toán nhanh đặc biệt thấp do hàng tồn kho tăng cao.

Về chỉ tiêu năng lực hoạt động: Vòng quay các khoản phải thu khá lớn tăng từ mức 6,42 năm 2012 lên mức 8,87. Nguyên nhân là do lợi nhuận gộp sụt giảm nhanh hơn các khoản phải thu. Vòng quay hàng tồn kho giảm từ mức 23,53 năm 2011 xuống còn 11,44 năm 2013 do các đơn đặt hàng bị hủy, mất khách hàng trong hai năm gần đây đã giảm tốc độ quay vòng hàng tồn kho của doanh nghiệp.

Về chỉ tiêu khả năng sinh lời: Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời ở mức âm trong hai năm 2012 và 2013. Lợi nhuận không đủ bù đắp chi phí, lỗ ăn cả vào vốn.

Về chỉ tiêu cơ cấu vốn: Tỷ lệ nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu ngày càng tăng dần. Công ty nợ thuế quá lớn, vốn không đủ trả nợ, lại thêm khoản lãi hàng năm tích lại do trả thuế chậm. Nếu không tìm kiếm được nguồn tài trợ bên ngoài, công ty có khả năng vỡ nợ.

THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT

3. Đánh giá thuận lợi và khó khăn của Công ty trong quá trình kinh doanh:

❖ **Thuận lợi:**

- Bộ máy quản lý và điều hành của Công ty đoàn kết nhất trí và trưởng thành, tích lũy được nhiều kinh nghiệm sau khi cổ phần hóa. Công ty cũng thường xuyên chỉ đạo và tạo điều kiện về tài chính, cơ sở vật chất giúp XN I chủ động nguồn kinh phí mua hàng, ổn định SX. Công ty cũng tiến hành kiểm tra, giám sát chặt chẽ định kỳ chất lượng mật đầu vào, không ngừng cải tiến quy trình tinh lọc, đóng gói nâng cao chất lượng sản phẩm để giữ vững thương hiệu. Tăng cường công tác chăm sóc khách hàng để duy trì và mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất ong mật với chất lượng cao, được kiểm định đủ điều kiện xuất khẩu sang Mỹ. Có thị trường chính là Mỹ với sức nhập khẩu hàng nghìn tấn một năm. Công ty có nguồn thu mua ong mật tốt, chủng loại ong mật với các loại hoa đa dạng, bảo đảm.

- Công ty hiện vẫn đang mở rộng quan hệ, áp dụng hình thức vay vốn tín chấp bảo đảm có kinh phí mua hàng kịp thời, đúng tiến độ.

- Công ty có các vùng vệ tinh cung cấp mật, áp dụng các giải pháp linh hoạt về kiểm tra chất lượng, kinh phí ứng và thanh toán ...để thu mua được mật nguyên liệu bảo đảm chất lượng; Theo dõi chặt chẽ vùng thu mật đề phòng rủi ro mua phải mật có hàm lượng Carbendazim cao quá ngưỡng cho phép.

- Công ty có Phòng khoa học công nghệ để kiểm tra, đánh giá chất lượng mẫu, bảo đảm có kết quả nhanh, chính xác làm cơ sở ra quyết định thu mua; Thành lập kho, xưởng mới ở Bình Dương, tạo điều kiện cho thu mua hàng nhanh, kịp thời, bảo quản mật tốt hơn.

❖ **Khó khăn:**

- Áp lực cạnh tranh trong hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng lớn, Công ty phải cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành nghề kinh doanh trên thị trường, ngoài ra công ty còn chưa gây dựng được thương hiệu với khách hàng trong nước. Sức mua mật ong trong nước giảm do thu nhập của người lao động giảm, mật ong chưa phải mặt hàng thiết yếu trong đời sống hàng ngày. Ở thị trường Mỹ là thị trường chủ lực chiếm phần lớn doanh thu nhưng công ty chỉ xuất khẩu hàng thô, không có thương hiệu nên lời lãi không cao. Tháng 4 và 5/2012, khách hàng tạm dừng nhập khẩu mật, tốc độ xuất khẩu chậm vòng vốn quay chậm, chi phí lãi vay ngân hàng tăng cao.

- Thời tiết vụ xuân ở cả 2 miền không thuận lợi cho thu hoạch, sản lượng thu hoạch làm giảm nghiêm trọng sản lượng mật, sản lượng mật đạt tiêu chuẩn thấp gây khó khăn cho thu

mua. Điều kiện kho, xưởng chật hẹp, rất khó khăn khi thu mua mật dồn dập trong khoảng thời gian ngắn cũng như bảo quản phân lô, tinh lọc và đóng gói mật.

- Công ty có sự thay đổi về nhân sự trong BDH từ sau Đại hội Cổ đông tháng 10/2013, cùng một số cán bộ làm công tác xuất khẩu; Ban điều hành mới tiếp quản công việc không có cơ hội được giới thiệu để tiếp xúc với khách hàng cũ của công ty.

- Cuối năm 2011, Mỹ đưa ra rào cản kỹ thuật mới về mật ong nhập khẩu, theo đó quy định hàm lượng chất Carbendazim trong mật ong dưới 10ppb. Đến cuối năm 2012, Công ty còn tồn kho trên 2 tấn mật ong thành phẩm và 71 tấn mật nguyên liệu không đạt tiêu chuẩn chất lượng xuất khẩu, gây khó khăn lớn về giải quyết vốn cho năm 2013. Nguồn vốn thiếu trầm trọng, không đủ cân đối do kết quả kinh doanh yếu kém năm 2012 & 2013 cùng phương án tăng vốn không được thông qua.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2012 – 2013 tiếp tục thua lỗ, do không nhận được đơn đặt hàng và bị hủy đơn đặt hàng từ các khách hàng chính ở Mỹ. Lợi nhuận sau thuế liên tục bị âm, nguyên nhân chính là do Công ty vẫn đang phải gánh chịu khoản thuế rất lớn. Công ty bị Chi cục thuế Đống Đa truy thu thuế từ năm 1996, tiền thuế đất đội lên quá cả vốn nên không đủ sức chi trả, ngoài ra còn bị tính lãi ngân hàng hàng tháng. Đất của công ty chủ yếu là đi thuê, tiền thuê đất ở XN Bảo Lộc đã tăng cao gấp 8 lần các năm trước gây khó khăn cho công ty. Với quy mô vốn quá nhỏ nên công ty không đủ tiền để thu mua nguyên liệu đầu năm nay 2014.

- Qui mô về vốn và tài sản của công ty còn hạn chế, là doanh nghiệp nhỏ thương hiệu chưa thực sự mạnh, không tập trung tìm kiếm gây dựng thị trường nội địa, phụ thuộc quá nhiều và thị trường Mỹ. Trong những năm qua, công ty chưa có hoạt động đầu tư đáng kể để đa dạng hóa sản phẩm, chi phí đầu tư để xây dựng thương hiệu công ty gần như không có, điều này đã tác động trực tiếp tới năng lực cạnh tranh của công ty.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh các năm tới:

Hiện tại, Công ty đang phải gánh chịu một khoản thua lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh từ trước năm 2013, ngoài ra lợi nhuận sau thuế liên tục bị âm do Công ty vẫn đang phải gánh chịu khoản thuế rất lớn. Do đó các năm sắp tới nếu có lợi nhuận thì cũng chủ yếu để bù đắp khoản thua lỗ này. Tính đến thời điểm 31/12/2013, số lỗ lũy kế là (11.336.991.945) đồng.

Hiện tại, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đang gặp phải rất nhiều khó khăn như đã trình bày tại Mục 3 của báo cáo, mặt khác công ty trong giai đoạn hiện nay không tìm kiếm được nguồn khách hàng nào thay thế cho việc bị mất khách hàng lớn ở thị trường Mỹ. Do vậy, việc xây dựng kế hoạch kinh doanh trong các năm tới thiếu cơ sở.

V. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế:

Sáu tháng đầu năm 2014, nền kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Nền kinh tế toàn cầu có nhiều diễn biến phức tạp cả về kinh tế về chính trị. Ở trong nước, sản xuất kinh doanh tiếp tục đối mặt với những khó khăn, áp lực: Sức mua trên thị trường thấp; khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm... Trong đó, đáng chú ý là thời gian gần đây tình hình biến động có nhiều diễn biến phức tạp, bước đầu ảnh hưởng đến động thái phát triển kinh tế - xã hội và đời sống dân cư cả nước.

Trước đó trong năm 2013, quốc hội đã thông qua nhiều chính sách quan trọng áp dụng từ năm 2014. Trong đó, chính sách giảm thuế thu nhập doanh nghiệp từ 1/1/2014 xuống còn 22% dự kiến sẽ tạo ra cú hích lớn trong nền kinh tế và là cơ hội cho nhiều Doanh nghiệp tận dụng vốn trong Sản xuất-Kinh doanh. Kèm theo đó, các chính sách có lợi về tiền lương cơ sở cùng với thuế thu nhập cá nhân cũng được đề xuất và thông qua, là những thông tin đáng mừng.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, 6 tháng đầu năm 2014 kết thúc với với tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) cao hơn cùng kỳ hai năm trước (ước tính đạt 5,18% so với mức 4,93% năm 2013). Ngoài ra, tăng trưởng GDP hàng quý, sau khi loại bỏ yếu tố mùa vụ, tiếp tục có xu hướng tăng kể từ quý 2/2013. Giá cả hàng hóa khá ổn định, với mức tăng của Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm tăng 4,77% so với bình quân cùng kỳ năm trước lạm phát tiếp tục được kiểm soát ở tỷ lệ thấp hơn 5% trong những tháng đầu năm 2014.

Trong 6 tháng đầu năm 2014, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 70,9 tỷ USD, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm 2013. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu đạt 69,6 tỷ USD, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2013, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 30,3 tỷ USD, tăng 10,3% .Như vậy, Việt Nam tiếp tục xuất siêu xấp xỉ 1,3 tỷ USD trong nửa đầu năm 2014, sau khi đã xuất siêu 0,9 tỷ USD ở năm trước đó.

Nhìn chung, nền kinh tế nước ta trong 6 tháng đầu năm 2014 tuy phải đối mặt với nhiều khó khăn nhưng một số ngành, lĩnh vực đã có chuyển biến theo hướng tích cực. Thể hiện rõ nhất là lạm phát được kiểm chế ở mức thấp; kinh tế vĩ mô ổn định; sản xuất công nghiệp chế biến có dấu hiệu phục hồi dần; xuất khẩu hàng hóa tiếp tục đạt mức tăng khá. Tuy nhiên, trong thời gian qua, vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế, bất cập chưa được giải quyết triệt để; thời gian tới, những thách thức mới xuất hiện sẽ gây không ít áp lực cho sản xuất, kinh doanh trong nước và ảnh hưởng đến đời sống dân cư. Điều này thực sự sẽ có những tác động tích cực đến các chủ thể tham gia vào nền kinh tế, trong đó có Công ty cổ phần Ong Trung ương.

2. Rủi ro Pháp luật:

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Ong Trung ương phải chịu sự chi phối của Pháp luật và các chính sách của Nhà nước, cụ thể:

- Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành trong giai đoạn xây dựng và hoàn thiện.
- Các văn bản Pháp luật cũng như chính sách liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng có tác động trực tiếp đến hoạt động cũng như chiến lược phát triển của Công ty.

Sự thay đổi các quy định Pháp luật trên sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù:

Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu:

Tình trạng tranh mua mật ong từ người sản xuất dẫn tới sự mất ổn định giá mật đầu vào. Để tăng sản lượng, người nuôi ong thu mật có hàm lượng nước cao trong vụ mật xuân hè (vải thiều, nhãn) gây tốn nhiều chi phí để tinh lọc mật trước khi đưa ra thị trường. Ngoài ra việc thu mua mật ong theo mùa vụ nên phụ thuộc vào việc được mùa và mất mùa của hoa. Do vậy, việc dự báo sự biến động giá nguyên vật liệu đầu vào rất quan trọng, giúp giảm bớt rủi ro cho Công ty khi có thay đổi về giá cả các mặt hàng.

Cạnh tranh

Địa bàn Hà Nội và vùng phụ cận ngày càng có nhiều cơ sở kinh doanh sản phẩm ong dẫn tới sự cạnh tranh mạnh về thị trường tiêu thụ. Điều này ảnh hưởng lớn đến sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của Công ty, trong khi đó quy mô và thị phần hoạt động chính của Công ty còn khiêm tốn, trong khi công ty chưa có thương hiệu trên thị trường quốc tế do toàn bộ mật ong xuất khẩu là mật ong thô.

Rủi ro ngành Ong

- Thị trường xuất khẩu chưa được mở rộng. Ngành ong Việt Nam xuất khẩu mật chủ yếu tới thị trường Mỹ, thị trường EU chưa được khai thông. Thị trường nội địa tiêu thụ khoảng 2.000 - 2.500 tấn mật ong/năm. Nhu cầu hiện tại khoảng 40 g/người/năm thấp hơn nhiều so với các nước nhập khẩu mật ong (khoảng 200 g/người/năm).

- Cuối năm 2011, Mỹ đưa ra rào cản kỹ thuật mới về mật ong nhập khẩu, theo đó quy định hàm lượng chất Carbendazim trong mật ong dưới 10ppb.

- Ước tính cuối năm 2012, trên 30% sản lượng mật ong toàn quốc còn tồn đọng ở các Công ty xuất khẩu, tương đương 7- 8 ngàn tấn mật không đạt chất lượng xuất khẩu.

4. Rủi ro từ đợt bán đấu giá:

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước thực hiện thoái vốn của mình tại Công ty cổ phần Ong Trung ương trong giai đoạn thị trường chứng khoán diễn biến không thuận lợi. Rủi ro của đợt bán đấu giá là số cổ phần chào bán có thể không được đăng ký mua hết.

Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư có xu hướng đầu tư dài hạn, nghiên cứu sâu về hoạt động kinh doanh của Công ty thì sẽ có nhận định hợp lý về giá trị cổ phiếu của Công ty.

5. Rủi ro khác:

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra, chúng có thể ảnh hưởng và gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

VI. DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC CHỨC DANH QUẢN LÝ CÔNG TY

1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

❖ Bà Phạm Minh Hương - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên	Phạm Minh Hương
Ngày tháng năm sinh	17/6/1966
Số CMND	001166000107
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 5, Ngõ 178 Tây Sơn, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hóa	Đại học
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ hệ thống thông tin
Chức vụ đang nắm giữ	Chủ tịch HĐQT
Số cổ phần nắm giữ	Không
- Cá nhân	Không
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Thị Kim Ngọc
Ngày tháng năm sinh	29/8/1966
Số CMND	19011420080
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 19, Ngõ 136 Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Số cổ phần nắm giữ	72.370 cổ phần tương ứng 6,58%
- Cá nhân	72.370 cổ phần tương ứng 6,58%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ **Ông Trần Công Ích - Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Trần Công Ích
Ngày tháng năm sinh	02/02/1950
Số CMND	0101112426
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 19 Ngách 91/20 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế; Kỹ sư hóa sinh
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên Hội đồng quản trị
Số cổ phần nắm giữ	Không
- Cá nhân	Không
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ **Bà Nguyễn Thị Hằng - Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Nguyễn Thị Hằng
Ngày tháng năm sinh	09/5/1963

Số CMND	011685919
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	352 Tổ 47 Láng Thượng, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân ngoại ngữ
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên Hội đồng quản trị
Số cổ phần nắm giữ	188.450 cổ phần tương ứng 17,13%
- Cá nhân	5.400 cổ phần cổ phần tương ứng 0,49%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	183.050 cổ phần tương ứng 16,64%
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Lê Thanh Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Lê Thanh Tuấn
Ngày tháng năm sinh	22/5/1979
Số CMND	011835940
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 19 Ngách 91/20 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Tài chính
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên Hội đồng quản trị
Số cổ phần nắm giữ	183.050 cổ phần tương ứng 16,64%
- Cá nhân	Không
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	183.050 cổ phần tương ứng 16,64%
Các khoản nợ đối với Công ty	Không

Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

2. Danh sách thành viên Ban Giám đốc

❖ Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc – Tổng Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị

Xem phần VII.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.

❖ Ông Trần Văn Thanh - Phó Tổng Giám đốc phụ trách thu mua

Họ và tên	Trần Văn Thanh
Ngày tháng năm sinh	1958
Số CMND	230368762
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	695 Phạm Văn Đồng, Đồng Đa, TP. Pleiku, Gia Lai
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư nông nghiệp
Chức vụ đang nắm giữ	Phó Tổng Giám đốc phụ trách thu mua
Số cổ phần nắm giữ	14.400 cổ phần tương ứng 1,31%
- Cá nhân	14.400 cổ phần tương ứng 1,31%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Nguyễn Văn Niệm - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Văn Niệm
Ngày tháng năm sinh	25/11/1954
Số CMND	011951154
Quốc tịch	Việt Nam

Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	P.103 D17, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Tiến sỹ Nông nghiệp
Chức vụ đang nắm giữ	Phó Tổng Giám đốc
Số cổ phần nắm giữ	2.700 cổ phần tương ứng 0,25%
- Cá nhân	2.700 cổ phần tương ứng 0,25%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

3. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

❖ Ông Phạm Xuân Dũng - Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên	Phạm Xuân Dũng
Ngày tháng năm sinh	1950
Số CMND	012115963
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Tập thể Công ty Ong, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư nông nghiệp
Chức vụ đang nắm giữ	Trưởng Ban Kiểm soát
Số cổ phần nắm giữ	3.500 cổ phần tương ứng 0,32 %
- Cá nhân	3.500 cổ phần tương ứng 0,32 %
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không

Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ **Ông Nguyễn Tổng Sơn - Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên	Nguyễn Tổng Sơn
Ngày tháng năm sinh	03/10/1969
Số CMND	011724231
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 3 ngách 72/98 Tôn Thất Tùng, P Khương Thượng
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên Ban kiểm soát
Số cổ phần nắm giữ	Không
- Cá nhân	Không
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ **Bà Phan Thị Mến - Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên	Phan Thị Mến
Ngày tháng năm sinh	13/10/1980
Số CMND	013377590
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Phòng 808, Nhà N5B, Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên Ban kiểm soát
Số cổ phần nắm giữ	Không
- Cá nhân	Không
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

4. Kế toán trưởng:

❖ Bà Nguyễn Hồng Huệ – Quyền Kế toán trưởng

Họ và tên	Nguyễn Hồng Huệ
Ngày tháng năm sinh	14/3/1980
Số CMND	012115963
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	73/497, Âu Cơ, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ	Quyền Kế toán trưởng
Số cổ phần nắm giữ	Không
- Cá nhân	Không
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

VII. CỔ PHIẾU BÁN ĐẤU GIÁ

1. Thông tin cơ bản:

- ❖ **Tên tổ chức phát hành** : CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TRUNG ƯƠNG
- ❖ **Tên Tiếng Anh** : VIETNAM NATIONAL APICULTURE JOINT STOCK COMPANY
- ❖ **Tên viết tắt** : VINAPI
- ❖ **Trụ sở chính** : Số 19 phố Trúc Khê – Láng Hạ - Đống Đa – Hà Nội
- ❖ **Điện thoại** : 043 8357 853
- ❖ **Fax** : 043 8352 725
- ❖ **Vốn Điều lệ hiện tại** : 11.000.000.000 đồng
- ❖ **Loại cổ phần phát hành** : Cổ phần phổ thông
- ❖ **Mệnh giá cổ phần** : 10.000 đồng (Mười ngàn đồng chẵn)
- ❖ **Số lượng cổ phần đấu giá** : 366.100 cổ phần
- ❖ **Giá khởi điểm** : **15.000 đồng/cổ phần**
- ❖ **Hình thức phát hành** : Đấu giá công khai

2. Mục đích của việc chào bán:

Mục đích của việc chào bán cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Ong Trung ương nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương của SCIC tại doanh nghiệp mà SCIC không cần giữ cổ phiếu.

3. Phương pháp tính giá:

Xác định theo giá đặt mua từ cao xuống thấp, nhà đầu tư đặt mua theo giá nào thì được mua cổ phần theo giá đó.

4. Phương thức phân phối:

Tổ chức bán đấu giá công khai ra bên ngoài.

5. Đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá:

- Có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế); có địa chỉ cụ thể, rõ ràng; Nếu người đại diện pháp nhân thì phải có giấy ủy quyền; Nếu là cá nhân phải có chứng minh thư nhân dân, giấy tờ tùy thân hợp lệ và có đủ năng lực hành vi dân sự.

- Đối với nhà đầu tư nước ngoài: ngoài các quy định như đối với pháp nhân và cá nhân trong nước, phải mở tài khoản tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt nam và tuân thủ Pháp luật Việt nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần đều phải thông qua tài khoản này.

- Các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư: Trường hợp các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tổ chức nhận ủy thác đầu tư có trách nhiệm tách biệt rõ số lượng nhà đầu tư, số cổ phần của từng nhà đầu tư trong và ngoài nước đăng ký mua.

- Có đơn đăng ký tham gia đấu giá theo đúng mẫu và nộp đơn đăng ký đấu giá đúng thời hạn đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc giấy mời.

- Đặt cọc đủ 15% giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo mức giá khởi điểm do Ban đấu giá công bố ngay tại thời điểm nộp đơn đăng ký đấu giá.

- Những đối tượng không được tham gia đấu giá:

+ Cán bộ SCIC có liên quan đến bán đấu giá cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Ong Trung Ương;

+ Cá nhân và tổ chức tài chính trung gian thực hiện định giá hoặc đấu giá bán cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Ong Trung Ương.

6. Thời gian và địa điểm đăng ký tham dự đấu giá:

- Thời gian đăng ký tham dự đấu giá và nộp tiền đặt cọc: từ 08h30 ngày 29/10/2014 đến 15h30 ngày 24/11/2014.

- **Địa điểm đăng ký tham dự đấu giá và nộp cọc:** Nhà đầu tư phải nộp tiền đặt cọc bằng 15% giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm. Tiền đặt cọc sẽ không được hưởng lãi. Tiền đặt cọc nộp bằng đồng Việt Nam, chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản của Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (mọi chi phí liên quan đến việc nộp tiền, chuyển tiền đặt cọc thuộc trách nhiệm của nhà đầu tư).

❖ Đăng ký tham dự đấu giá qua Tổ chức đấu giá:

Công ty cổ phần chứng khoán đầu tư Việt Nam

- **Địa chỉ** : Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
- **Điện thoại** : (84-4) 3573 0073
- **Fax** : (84-4) 3573 0088

❖ Đăng ký tham dự đấu giá qua Công ty cổ phần Ong Trung ương:

Công ty cổ phần Ong Trung ương

- **Địa chỉ** : Số 19 phố Trúc Khê – Láng Hạ - Đống Đa – Hà Nội
- **Điện thoại** : 043 8357 853
- **Fax** : 043 8352 725

- Sau khi hoàn tất các thủ tục đăng ký, nhà đầu tư được cấp phiếu tham dự đấu giá.

Lưu ý: Nhà đầu tư chỉ được sửa đổi hoặc hủy đăng ký tham gia đấu giá trong thời gian làm thủ tục đăng ký nêu trên.

Trường hợp hủy đăng ký tham gia đấu giá, nhà đầu tư phải làm đơn đề nghị hủy đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu quy định của Tổ chức đấu giá.

7. Lập và nộp phiếu tham dự đấu giá:

❖ **Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ là:**

- Phiếu do Tổ chức bán đấu giá cấp (bản chính);
- Có đóng dấu treo của Tổ chức bán đấu giá và đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định;
- Phiếu không được tẩy xóa hoặc rách nát;
- Giá đặt mua không thấp hơn giá khởi điểm;
- Tổng số cổ phần đặt mua tối đa bằng mức đăng ký;
- Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên phiếu và chữ ký giáp lai niêm phong của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định;
- Nếu có sự khác nhau giữa giá trị được ghi bằng số và giá trị được ghi bằng chữ thì giá trị được ghi bằng chữ sẽ được công nhận.

❖ **Bỏ phiếu kín theo đúng thời hạn quy định và có 2 cách bỏ phiếu kín:**

- **Cách 1: Đối với nhà đầu tư tham dự vắng mặt:**

Nhà đầu tư gửi phiếu tham dự đấu giá chậm nhất 15h30 ngày 25/11/2014 đến địa điểm sau:

Công ty Cổ phần Chứng khoán đầu tư Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Thời điểm nhận phiếu được tính là thời điểm Ban tổ chức đấu giá ký nhận phiếu tham dự đấu giá và ký nhận với nhà đầu tư.

- **Cách 2: Đối với nhà đầu tư nộp phiếu tham dự đấu giá tại nơi tổ chức đấu giá:**

Nhà đầu tư bỏ phiếu kín trực tiếp vào thùng phiếu theo thông báo thời điểm bỏ phiếu của Ban tổ chức đấu giá tại buổi đấu giá.

Thời điểm nhận phiếu được tính là thời điểm Ban tổ chức đấu giá nhận phiếu tham dự đấu giá và ký nhận với nhà đầu tư.

Trường hợp phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xóa: Nhà đầu tư phải yêu cầu nơi cấp phiếu đổi phiếu mới sau khi đã nộp phiếu cũ.

Trường hợp nhà đầu tư mất phiếu: Nhà đầu tư phải làm đơn (theo mẫu quy định) đề nghị cấp lại phiếu mới và phiếu cũ coi như không còn giá trị.

8. Lưu ý một số vấn đề đối với nhà đầu tư khi đến tham dự đấu giá:

- Nếu là cá nhân phải có chứng minh thư nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ.
- Trường hợp người đại diện cho pháp nhân mà không phải là người đại diện pháp lý của đơn vị, thì phải có giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp lý của đơn vị.
- Đem phiếu đấu giá có đóng dấu treo của tổ chức đấu giá.

9. Thời hạn thanh toán và hoàn trả tiền đặt cọc:

- Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần: Từ 8h30 ngày 28/11/2014 đến 15h30 ngày 11/12/2014.
- Thời gian hoàn trả tiền đặt cọc: Từ 8h30 ngày 28/11/2014 đến 15h30 ngày 08/12/2014.
- Căn cứ vào thông báo kết quả đấu giá, nhà đầu tư trúng giá mua cổ phần có trách nhiệm thanh toán tiền mua cổ phần trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy thông báo trúng giá.
- Hình thức thanh toán tiền mua cổ phần: thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản về tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần.

10. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần:

Tài khoản số : 4001 11000 4848 704 6805

Tại : Ngân Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – Hội sở chính.

Chủ Tài khoản : Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

Nội dung : Nộp tiền mua cổ phần của Công ty cổ phần Ong Trung ương.

11. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Điều lệ Công ty không quy định giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài. Đồng thời, việc bán cổ phần Nhà nước tại doanh nghiệp không thuộc trường hợp quy định đặc biệt và theo quy định tại Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam (Điều 10 của Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp của Thủ tướng Chính phủ) thì mức góp vốn, mua cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài ở doanh nghiệp Việt Nam với mức không hạn chế.

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng: Không

13. Các loại thuế có liên quan đến cổ phần chào bán: Không

VIII. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ

1. **Địa điểm tổ chức đấu giá:**
Công ty cổ phần Ong Trung ương
Địa chỉ: Số 19 phố Trúc Khê – Láng Hạ - Đống Đa – Hà Nội
2. **Thời gian tổ chức đấu giá: 09h30 ngày 27/11/2014.**

IX. ĐỊA ĐIỂM CÔNG BỐ BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. **Công ty cổ phần Ong Trung ương**
Địa chỉ : Số 19 phố Trúc Khê – Láng Hạ - Đống Đa – Hà Nội
Điện thoại : 043 8357 853
Fax : 043 8352 725
2. **Công ty Cổ phần Chứng khoán đầu tư Việt Nam**
Địa chỉ : Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 3573 0073
Fax : (84-4) 3573 0088
Website : www.ivs.com.vn

Đại diện Công ty cổ phần



Bà: Phạm Minh Hương
Chủ tịch hội đồng quản trị

Đại diện Công ty cổ phần



Ông: Phạm Hữu Tuấn
Phó Tổng Giám đốc